

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH YÊN BÁI**

Bản án số: 22/2019/HS-ST
Ngày 31-7-2019.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: ông Nguyễn Trung Dũng

Thẩm phán: ông Hoàng Trọng Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. bà Trần Thị Đàm
2. ông Trần Nam Điền
3. bà Phạm Thị Thanh Bình

- Thư ký phiên toà: bà Nguyễn Thị Hoan - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Yên Bái,

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái tham gia phiên toà: bà Lâm Thị Ngọc Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 21/2019/TLST-HS ngày 27 tháng 6 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2019/QĐXXST - HS ngày 15 tháng 7 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn T** sinh ngày 25 tháng 7 năm 1991 tại xã A, huyện V, tỉnh Yên Bái; cư trú tại: thôn L, xã A, huyện V, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 05/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Đạo Thiên Chúa; con ông Nguyễn Văn Th sinh năm 1962 và bà Trần Thị X sinh năm 1967; vợ là Phạm Thị B (đã chết); có 01 con sinh năm 2015; tiền sự, tiền án: không; nhân thân: tại Bản án hình sự sơ thẩm số 47/2013/HSST ngày 27-02-2013 của Tòa án nhân dân quận HK, Thành phố Hà Nội xử phạt 04 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 18- 01-2019, hiện tạm giam tại Trại Tạm giam Công an tỉnh Yên Bái, có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: ông Hoàng Hữu H- Luật sư thuộc Văn phòng luật sư H, Đoàn Luật sư tỉnh Yên Bái, có mặt.

- Người bị hại: Phạm Thị B sinh ngày 03-3-1991; chết ngày 18-01-2019.

- Đại diện hợp pháp của người bị hại gồm có:

1) Ông Phạm Văn N sinh năm 1955; trú tại: thôn TT, xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái (là bố đẻ người bị hại).

2) Bà Vũ Thị C sinh năm 1960; trú tại: thôn TT, xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái (là mẹ đẻ người bị hại).

3) Cháu Nguyễn Thị D (tên gọi khác: E) sinh ngày 22 tháng 12 năm 2016 (là con đẻ người bị hại).

- *Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Văn N và bà Vũ Thị C là ông Phạm Văn G sinh năm 1957; trú tại: thôn I, xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái, có mặt.*

- *Người giám hộ cho cháu Nguyễn Thị D, đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn Th sinh năm 1962 và bà Trần Thị X sinh năm 1967; cùng trú tại: thôn L, xã A, huyện V, tỉnh Yên Bái, có mặt.*

- *Những người làm chứng:*

1) Nguyễn Văn K sinh năm 2001; trú tại: thôn L, xã A, huyện V, tỉnh Yên Bái, có mặt.

2) Nguyễn Xuân M sinh năm 1997; trú tại: thôn L, xã A, huyện V, tỉnh Yên Bái, vắng mặt.

3) Nguyễn Văn P sinh năm 1973; trú tại: thôn L, xã A, huyện V, tỉnh Yên Bái, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 03 giờ ngày 18-01-2019, Nguyễn Văn T thức dậy đi về sinh, khi quay lại giường ngủ, T quàng tay sang ôm vợ là Phạm Thị B thì thấy B không mặc quần lót, quần dài tụt xuống gần đầu gối. T cho rằng B vừa đi quan hệ bất chính với người khác nên nảy sinh ý định giết chết chị B. Khoảng 15 phút sau, T thấy B đang ngủ ở tư thế nằm ngửa, T vùng dậy ngồi đè lên người B rồi dùng hai tay siết, bóp cổ B ấn xuống giường. B tỉnh dậy và dùng tay chân vùng lên chống cự đẩy T ra và nói “Anh bị điên à, có gì từ từ nói, anh bỏ tay ra xem nào”, nhưng T vẫn tiếp tục bóp cổ B, khoảng 02 phút sau thì B đẩy được T ra còn bản thân bị rơi xuống đất ở tư thế nằm úp mặt xuống nền nhà. T bước xuống nền nhà, dùng tay phải quàng qua cổ B siết vào người rồi kéo đến khu vực bàn để bếp ga. T dùng tay trái túm tóc B, tay phải với con dao tay chuôi gỗ trên bàn thì B dùng hai tay giật được con dao. T lại dùng tay trái túm tóc B giật về phía sau làm B ngã ngửa trên nền nhà, con dao từ tay B rơi xuống đất. T tiếp tục lao đến ngồi đè lên người B dùng hai tay siết, bóp cổ B ấn xuống nền nhà, khi thấy B không phản ứng gì nhưng còn rên nên T tiếp tục dùng hai tay siết cổ B cho đến khi B nằm im không còn cử động. Sau đó T bế B đặt nằm ngửa trên giường, rồi bế con gái là Nguyễn Thị D lên nhà mẹ đẻ là bà Trần Thị X nhưng không gặp ai. T bế con quay về nhà đặt con lên giường thì thấy B rên, T nhặt con dao trước đó ở nền nhà, dùng tay phải cầm dao cứa nhiều nhát lên cổ B rồi vớt con dao ở khu vực đầu giường. Sau đó, T bế

con lên nhà bà X, đưa con cho bà X bế và nói “ Con vừa giết con B, nó cắn sừng con”. T về lấy xe máy đi ra khỏi nhà, trên đường đi T gặp một số người hàng xóm thì nói việc vợ mình đã chết và nhờ mọi người đến giúp làm đám ma. Sau đó T được gia đình đưa đến Công an huyện V, tỉnh Yên Bái tự thú. Cơ quan điều tra đã thu giữ vật chứng là 01 con dao có chiều dài 37 cm; bản dao chỗ rộng nhất 06cm.

Tại bản kết luận giám định pháp y về tử thi số: 13/TT ngày 13 tháng 02 năm 2019 của Trung tâm pháp y tỉnh Yên Bái kết luận về nguyên nhân chết của Phạm Thị B như sau:

- Dấu hiệu chính qua giám định: Tại vùng cổ có hai vết thương rách da hình khe, bờ mép sắc gọn.

- + Vết thứ nhất có kích thước dài 11cm đứt toàn bộ bó mạch, cuống họng, sâu đến đốt sống cổ, đứt cơ đốt sống cổ vào đến xương.

- + Vết thứ hai cách vết thứ nhất xuống dưới 01cm có vết thương hình khe, bờ mép sắc gọn dài 10cm, đứt toàn bộ mạch máu, cuống họng, trơ sụn nhĩ.

- Nguyên nhân chết: Mất máu cấp (do vết thương đứt toàn bộ mạch máu vùng cổ).

Tại bản Kết luận giám định pháp y tâm thần số 30/2019/PYTT ngày 02 tháng 5 năm 2019 của Trung tâm pháp y tâm thần khu vực miền núi phía Bắc kết luận: Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội vào ngày 18-01-2019, Nguyễn Văn T không bị bệnh tâm thần, đủ khả năng nhận thức và đủ khả năng điều khiển hành vi; hiện tại Nguyễn Văn T đủ khả năng nhận thức và đủ khả năng điều khiển hành vi.

Bản Cáo trạng số: 26/CT-VKS-P2 ngày 26 tháng 6 năm 2019, của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái truy tố Nguyễn Văn T về tội: “Giết người” theo điểm n khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn T khai nhận do nghi ngờ vợ mình là Phạm Thị B có quan hệ ngoại tình, nên T đã nảy sinh ý định giết chị B. Bị cáo đã dùng tay siết, bóp cổ chị B cho đến khi chị B không còn phản ứng gì. Một lúc sau, khi thấy chị B còn rên thì bị cáo đã dùng dao cắt nhiều nhất vào cổ chị B làm chị B tử vong.

Đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Văn N và bà Vũ Thị C (bố, mẹ đẻ người bị hại) trình bày: đề nghị xét xử bị cáo với mức án nghiêm khắc; đề nghị buộc bị cáo T phải bồi thường tổn thất về tinh thần cho ông N và bà C theo quy định của pháp luật.

Đại diện theo ủy quyền của người giám hộ cho cháu Nguyễn Thị D trình bày: Sau khi xảy ra sự việc, gia đình ông Nguyễn Văn Th và Trần Thị X là bố, mẹ đẻ bị cáo T đã tự nguyện chi phí toàn bộ việc mai táng chị B, đồng thời nhận trách nhiệm nuôi dưỡng cháu D. Ông Th và bà X không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo.

Kiểm sát viên trình bày lời luận tội tại phiên tòa và giữ nguyên toàn bộ quyết định truy tố:

- Đề nghị tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Giết người”.
- Đề nghị áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123, điểm b, r, s khoản 1 Điều 51; điểm e khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 19 năm đến 20 năm tù.
- Đề nghị áp dụng Điều 591 của Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải bồi thường tổn thất về tinh thần cho ông Phạm Văn N và bà Vũ Thị C theo quy định của pháp luật.
- Về xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu tiêu hủy vật chứng con dao bị cáo dùng để gây án.

Người bào chữa trình bày lời bào chữa cho bị cáo nhất trí với tội danh và điều luật truy tố. Đề nghị Tòa án xem xét bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình bị cáo đã khắc phục một phần hậu quả, bản thân bị cáo trình độ học vấn thấp, hoàn cảnh gia đình bị cáo là hộ nghèo khó khăn để giảm một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Đề nghị áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123, điểm b, r, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo từ 18 năm đến 19 năm tù.

Bị cáo Nguyễn Văn T không có ý kiến bào chữa bổ sung và cũng không có ý kiến tranh luận gì. Khi được nói lời sau cùng, bị cáo trình bày ân hận về hành vi phạm tội của mình và xin được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận của bị cáo Nguyễn Văn T tại phiên tòa phù hợp các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản khám nghiệm hiện trường, Biên bản khám nghiệm tử thi, Kết luận giám định pháp y về tử thi và được minh chứng con dao thu giữ trong vụ án. Từ đó đủ cơ sở kết luận: khoảng 03 giờ ngày 18-01-2019, do nghi ngờ vợ mình là Phạm Thị B có quan hệ ngoại tình nên bị cáo T đã nảy sinh ý định giết chị B. Bị cáo đã dùng tay siết cổ, bóp cổ chị B, sau đó dùng dao cắt nhiều nhát vào cổ chị B, gây ra vết thương đứt toàn bộ mạch máu vùng cổ, khiến chị B tử vong do mất máu cấp. Hành vi giết chị Phạm Thị B mà bị cáo thực hiện chỉ vì sự nghi ngờ, ghen tuông vô cớ, thể hiện sự coi thường pháp luật, coi

thường tính mạng của người khác. Hành vi đó của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Giết người” với tình tiết tăng nặng định khung “Có tính chất côn đồ”. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo theo điểm n khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự là đúng, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Tính chất của vụ án là đặc biệt nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền được sống, là quyền cơ bản, quan trọng nhất của con người và được pháp luật bảo vệ. Chỉ vì sự suy diễn không có căn cứ, nguyên do không rõ ràng mà bị cáo đã nhẫn tâm tước đoạt sinh mạng của chính vợ mình là chị Phạm Thị B. Hành vi phạm tội của bị cáo không chỉ gây đau thương, mất mát lớn cho gia đình người bị hại, mà còn ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự tại địa phương, nên cần thiết phải bị xử lý nghiêm minh trước pháp luật.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tòa án có xem xét sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo T đã đến cơ quan Công an tự thú; trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm r, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; Gia đình bố, mẹ đẻ của bị cáo đã khắc phục hậu quả là đã chi phí toàn bộ việc mai táng cho người bị hại và nhận nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị D (con đẻ của người bị hại), đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Do bị cáo và gia đình trên thực tế chưa bồi thường được khoản tiền nào cho gia đình người bị hại, nên việc Kiểm sát viên và người bào chữa đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là không có cơ sở, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Quá trình thực hiện tội phạm, bị cáo đã dùng tay siết, bóp cổ chị B cho đến khi chị B lịm đi, không còn phản ứng gì. Nhưng đến khi bị cáo thấy chị B còn có tiếng rên thì đã dùng dao cắt nhiều nhát vào cổ chị B làm chị B tử vong. Điều đó thể hiện bị cáo thực hiện hành vi giết người một cách quyết liệt, tìm mọi cách để giết chị B. Do đó, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “có ý thực hiện tội phạm đến cùng” quy định tại điểm e khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về nhân thân của bị cáo là người có trình độ học vấn thấp, đã từng bị kết án về tội trộm cắp tài sản, mặc dù đã được xóa án tích nhưng vẫn thể hiện là người có nhân thân xấu, ý thức tự cải tạo và chấp hành pháp luật là không tốt.

[6] Căn cứ vào quy định của Bộ luật Hình sự, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử quyết định xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T với mức án nghiêm khắc, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo thành người lương thiện, góp phần răn đe, phòng ngừa chung.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Gia đình ông Nguyễn Văn Th và Trần Thị X là bố, mẹ đẻ bị cáo T đã chi phí toàn bộ việc mai táng chị B, đồng thời nhận trách nhiệm nuôi dưỡng cháu D. Ông Th và bà X không yêu cầu bị cáo T phải bồi hoàn, bồi thường khoản gì.

Đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Văn N và bà Vũ Thị C (bố, mẹ đẻ người bị hại) yêu cầu bị cáo T phải bồi thường tổn thất về tinh thần theo quy định của pháp luật. Xét yêu cầu này là chính đáng, phù hợp với quy định tại Điều 591 của Bộ luật Dân sự, nên Hội đồng xét xử buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải bồi thường tổn thất về tinh thần cho ông Phạm Văn N và bà Vũ Thị C số tiền 80.000.000 đồng.

[8] Về áp dụng biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng trong vụ án: Cơ quan điều tra có thu giữ của bị cáo T 01 con dao mà bị cáo T sử dụng để gây án. Xét đây là công cụ thực hiện tội phạm, cần tịch thu tiêu hủy.

[9] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Giết người”.

1. Về hình phạt: Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 123, điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm e khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 20 (Hai mươi) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, ngày 18 tháng 01 năm 2019.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ các Điều 584, 585, 586, 591 của Bộ luật Dân sự,

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải bồi thường cho ông Phạm Văn N và bà Vũ Thị C số tiền 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về áp dụng biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

Tịch thu tiêu hủy 01 con dao tay dài 37cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 25cm, bản dao chỗ rộng nhất dài 06cm, trên lưỡi dao có chữ “DÍP”, chuôi dao bằng gỗ dài 12cm, có khâu dao hình tròn bằng kim loại, giữ phần chuôi dao và lưỡi dao được chèn bằng lớp vải màu trắng. (Vật chứng hiện được bảo quản tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Yên Bái theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 01-7-2019 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Yên Bái và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Yên Bái).

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23, Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: bị cáo, Đại diện hợp pháp của người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền và lợi ích của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Hà Nội;
- Sở Tư pháp tỉnh Yên Bái ;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- Công an tỉnh Yên Bái;
- Cục THADS tỉnh Yên Bái;
- Bị cáo (Trại tạm giam);
- Người bào chữa;
- Đại diện hợp pháp của người bị hại;
- Người có QL&NV liên quan;
- THA hình sự;
- Lưu: HS(2), TA, tiểu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Trung Dũng